

**TÀI LIỆU ÔN THI**  
**KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**  
**DÙNG CHO TUYỂN VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY MẦM NON**

## **1. Thiết kế bài giảng (soạn giáo án)**

### **1.1. Mục đích, yêu cầu của việc soạn giáo án**

Giờ dạy – học trên lớp hiện nay được xác định là thành công chỉ khi nào giờ học đó phát huy được tính năng động, chủ động, tích cực của người học. Người học phải được hoạt động. Giờ học không nhồi nhét kiến thức. Muốn vậy, giáo viên (GV) phải xây dựng chiến lược dạy học, con đường tất yếu phải là thiết kế hoạt động của thầy và trò trên lớp. Các hoạt động phải được tính toán kỹ, sự hoạch định, trù liệu của GV càng chu đáo bao nhiêu thì khả năng thành công của giờ dạy càng cao bấy nhiêu. Như vậy, mục đích của việc soạn giáo án là nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy – học trên lớp; thực hiện tốt mục tiêu bài học.

Một giáo án tốt phải thể hiện được các yêu cầu:

- Thể hiện được đầy đủ nội dung bài học và giúp đảm bảo trật tự khoa học của thông tin, đưa ra kỹ năng học tập được sử dụng trong giờ và các phương tiện hỗ trợ cần thiết theo yêu cầu. Việc cung cấp thông tin theo một trật tự khoa học sẽ giúp trẻ hiểu và nhớ những thông tin đó một cách khoa học;
- Giúp người thầy quản lý thời gian dành cho mỗi đơn vị bài học được tốt hơn;
- Vạch ra rõ ràng đơn vị bài học cần được chú trọng – phần trọng tâm mà trẻ bắt buộc phải biết – từ đó cô sẽ dễ dàng hơn trong việc điều chỉnh khung thời gian, tăng giảm nội dung giảng dạy để phòng các trường hợp chầy giáo án, thừa thời gian...;
- Lựa chọn được phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với nội dung, tính chất của bài học và đối tượng học;
- Chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kỹ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống.

### **1.2. Các bước thiết kế một giáo án**

- **Bước 1:** Xác định mục tiêu của bài học căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ trong chương trình. Bước này được đặt ra bởi việc xác định mục tiêu của bài học là một khâu rất quan trọng, đóng vai trò thứ nhất, không thể thiếu của mỗi giáo án. Mục tiêu (yêu cầu) vừa là cái đích hướng tới, vừa là yêu cầu cần đạt của giờ học; hay nói khác đó là thước đo kết quả quá trình dạy học. Nó giúp GV xác định rõ các nhiệm vụ sẽ phải làm (dẫn dắt trẻ tìm hiểu, vận dụng những kiến thức, kỹ năng; phạm vi, mức độ đến đâu; qua đó giáo dục cho trẻ những bài học gì).

- **Bước 2:** Nghiên cứu SGK và các tài liệu liên quan để: hiểu chính xác, đầy đủ những nội dung của bài học; xác định những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản cần hình thành và phát triển ở trẻ; xác định trình tự logic của bài học.

Bước này được đặt ra bởi nội dung bài học ngoài phần được trình bày trong SGK còn có thể đã được trình bày trong các tài liệu khác. Trước hết nên đọc kỹ nội dung bài

học và hướng dẫn tìm hiểu bài trong SGK để hiểu, đánh giá đúng nội dung bài học rồi mới chọn đọc thêm tư liệu để hiểu sâu, hiểu rộng nội dung bài học. Mỗi GV không chỉ có kỹ năng tìm đúng, tìm trúng tư liệu cần đọc mà cần có kỹ năng định hướng cách chọn, đọc tư liệu cho học sinh. GV nên chọn những tư liệu đã qua thẩm định, được đồng ý của các nhà chuyên môn và GV tin cậy. Việc đọc SGK, tài liệu phục vụ cho việc soạn giáo án có thể chia thành 3 cấp độ sau: đọc lướt để tìm nội dung chính xác định những kiến thức, kỹ năng cơ bản, trọng tâm mức độ yêu cầu và phạm vi cần đạt; đọc để tìm những thông tin quan tâm: các mạch, sự bố cục, trình bày các mạch kiến thức, kỹ năng và dụng ý của tác giả; đọc để phát hiện và phân tích, đánh giá các chi tiết trong từng mạch kiến thức, kỹ năng.

Thực ra khâu khó nhất trong đọc SGK và các tư liệu là đúc kết được phạm vi, mức độ kiến thức, kỹ năng của từng bài học sao cho phù hợp với năng lực của học sinh và điều kiện dạy học. Trong thực tế dạy học, nhiều khi chúng ta thường đi chưa tới hoặc đi quá những yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng. Nếu nắm vững nội dung bài học, cô sẽ phác họa những nội dung và trình tự nội dung của bài giảng phù hợp, thậm chí có thể cải tiến cách trình bày các mạch kiến thức, kỹ năng của SGK, xây dựng một hệ thống câu hỏi, bài tập giúp trẻ nhận thức, khám phá, vận dụng các kiến thức, kỹ năng trong bài một cách thích hợp.

- **Bước 3:** Xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ nhận thức của trẻ, gồm: xác định những kiến thức, kỹ năng mà trẻ đã có và cần có; dự kiến những khó khăn, những tình huống có thể nảy sinh và các phương án giải quyết.

Bước này được đặt ra bởi trong giờ học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, cô không những phải nắm vững nội dung bài học mà còn phải hiểu trẻ để lựa chọn phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức dạy học và đánh giá cho phù hợp. Như vậy, trước khi soạn giáo án cho giờ học mới, cô phải lường trước các tình huống, các cách giải quyết nhiệm vụ học tập của trẻ. Nói cách khác, tính khả thi của giáo án phụ thuộc vào trình độ, năng lực học tập của trẻ, được xuất phát từ: những kiến thức, kỹ năng mà trẻ đã có; những kiến thức, kỹ năng mà trẻ chưa có hoặc có thể quên; những khó khăn có thể nảy sinh trong quá trình học tập của trẻ. Bước này chỉ là sự dự kiến; nhưng trong thực tiễn, có nhiều giờ học do không dự kiến trước, cô đã lúng túng trước những ý kiến không đồng nhất của trẻ với những biểu hiện rất đa dạng.

- **Bước 4:** Lựa chọn phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá thích hợp nhằm giúp trẻ học tập tích cực, chủ động, sáng tạo.

Bước này được đặt ra bởi trong giờ học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, cô phải quan tâm tới việc phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, tinh thần hợp tác, kỹ năng vận dụng kiến thức vào những tình huống khác nhau trong học tập và trong thực tiễn; tác động đến tư tưởng và tình cảm để đem lại niềm vui, hứng thú trong học tập cho trẻ.

- **Bước 5:** Thiết kế giáo án.

Đây là bước người cô bắt tay vào soạn giáo án - thiết kế nội dung, nhiệm vụ, cách thức hoạt động, thời gian và yêu cầu cần đạt cho từng hoạt động dạy của cô và hoạt động học tập của trẻ.

### 1.3. Cấu trúc giáo án

Tiết thứ:..... Tên bài .....

Ngày soạn:.....Lớp: .....

A. Mục tiêu:

1. Kiến thức
2. Kỹ năng
3. Thái độ:

B. Chuẩn bị:

C. Tổ chức các hoạt động học tập:

Hoạt động 1

Hoạt động 2

Hoạt động n – 1: Vận dụng, củng cố

Hoạt động n: Hướng dẫn về nhà

D. Rút kinh nghiệm

Ghi những nhận xét của GV sau khi dạy xong

#### **1.4. Cấu trúc của một giáo án được thể hiện ở các nội dung**

- Mục tiêu bài học: + Nêu rõ yêu cầu trẻ cần đạt về KT, KN, thái độ; + Các mục tiêu được biểu đạt bằng động từ cụ thể, có thể lượng hoá được.

- Chuẩn bị về phương pháp và phương tiện dạy học: + GV chuẩn bị các thiết bị dạy học ( tranh ảnh, mô hình, hiện vật, hoá chất...), các phương tiện dạy học ( máy chiếu, TV, đầu video, máy tính, máy projector...) và tài liệu dạy học cần thiết; + Hướng dẫn trẻ chuẩn bị bài học.

- Tổ chức các hoạt động dạy học: Trình bày rõ cách thức triển khai các hoạt động dạy-học cụ thể. Với mỗi hoạt động cần chỉ rõ: + Tên hoạt động ; + Mục tiêu của hoạt động; + Cách tiến hành hoạt động; + Thời lượng để thực hiện hoạt động; + Kết luận của GV về: những KT, KN, thái độ trẻ cần có sau hoạt động; những tình huống thực tiễn có thể vận dụng KT, KN, thái độ đã học để giải quyết; những sai sót thường gặp; những hậu quả có thể xảy ra nếu không có cách giải quyết phù hợp;...

- Hướng dẫn các hoạt động tiếp nối: xác định những việc trẻ cần phải tiếp tục thực hiện sau giờ học để củng cố, khắc sâu, mở rộng bài cũ hoặc để chuẩn bị cho việc học bài mới.

#### **1.5. Các bước của quy trình soạn bài giảng điện tử e - learning.**

Các bước của quy trình soạn bài giảng điện tử e - learning

- 1) Xác định mục đích, yêu cầu của bài giảng
- 2) Lựa chọn những kiến thức cơ bản, trọng tâm, có tính khái quát và chất lượng cao để sắp xếp chúng vào các slide:
- 3) Thu thập nguồn tài liệu liên quan đến nội dung, xây dựng kho tư liệu
- 4) Xây dựng kịch bản cho bài giảng của giáo án điện tử
- 5) Lựa chọn ngôn ngữ, các phần mềm trình diễn để xây dựng bài giảng điện tử elearning.
- 6) Soạn bài giảng và đóng gói

#### **1.6. Các bước thực hiện giờ dạy học (triển khai giáo án khi lên lớp).**

Một giờ dạy học nên được thực hiện theo các bước cơ bản sau:

a. Khởi động trước giờ học

b. Tổ chức dạy và học bài mới

- GV giới thiệu bài mới: nêu nhiệm vụ học tập và cách thức thực hiện để đạt được mục tiêu bài học; tạo động cơ học tập cho trẻ.

- Cô tổ chức, hướng dẫn trẻ suy nghĩ, tìm hiểu, khám phá và lĩnh hội nội dung bài học, nhằm đạt được mục tiêu bài học với sự vận dụng PPDH phù hợp.

c. Luyện tập, củng cố.

Cô hướng dẫn trẻ củng cố, khắc sâu những KT, KN, thái độ đã có thông qua hoạt động thực hành luyện tập có tính tổng hợp, nâng cao theo những hình thức khác nhau.

d. Đánh giá

- Trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu bài học, cô dự kiến một số câu hỏi, bài tập và tổ chức cho trẻ tự đánh giá về kết quả học tập của bản thân và của bạn.

- Cô đánh giá, tổng kết về kết quả giờ học.

e. Hướng dẫn trẻ ứng dụng kiến thức đã học sau giờ học (tại lớp hoặc ở nhà)

## **2. Phương pháp dạy học tích cực**

### **2.1. Cơ sở khoa học để thực hiện phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục Mầm non**

#### **2.1.1. Đặc điểm phát triển của trẻ em**

- Hầu hết sự tăng trưởng và phát triển của não trẻ diễn ra trong 3 năm đầu tiên của cuộc đời

- Đến 6 tuổi bộ não của trẻ đạt được 90% trọng lượng não của người trưởng thành

- Môi trường sống có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của não trẻ, nhưng quan trọng nhất là sự chăm sóc khoa học và giáo dục có chất lượng phù hợp với nhu cầu và trình độ phát triển của trẻ ở cùng độ tuổi, từng cá nhân.

- Trẻ phát triển nhiều mặt như thể chất, trí tuệ, tâm lý, xã hội....Các mặt này có liên quan mật thiết với nhau và diễn ra đồng thời.

- Sự phát triển của trẻ diễn ra theo các bước có thể dự đoán trước và nhu cầu hiểu biết của trẻ nói chung tuân theo trình tự nhất định. Tuy Nhiên tốc độ phát triển, cách thức hoạt động và khả năng nhận thức ở mỗi trẻ là không giống nhau...Điều quan trọng là GV cần lựa chọn nội dung và sử dụng phương pháp giáo dục hợp lý để đáp ứng nhu cầu phát triển của từng trẻ.

#### **2.1.2. Khả năng nhận thức của trẻ mầm non**

- Sự cảm nhận của trẻ bằng trực giác và mang tính tổng thể

- Tư duy của trẻ chủ yếu là tư duy trực quan hành động và tư duy trực quan hình tượng. Cuối tuổi mẫu giáo xuất hiện tư duy lôgic.

- Tư duy của trẻ còn gắn liền với xúc cảm và ý muốn chủ quan.

- Trẻ tích cực tham gia vào sự phát triển của bản thân. Các kỹ năng nhận thức của trẻ được tăng lên cùng với sự tham gia thực hành tích cực của trẻ. Do đó, trẻ cần được tìm hiểu, trải nghiệm, khám phá, giao tiếp, bắt chước... Chương trình giáo dục mầm non chú trọng vào việc trẻ học như thế nào chứ không phải vào việc trẻ học được cái gì.

### **2.1.3. Hoạt động học tập của trẻ mầm non**

- Trẻ mầm non (đặc biệt MG), chơi mà học, học mà chơi. Trẻ rất hiếu động, tò mò, ham muốn học hỏi, tìm hiểu thế giới xung quanh. Trong khi chơi, trẻ thực sự học để lĩnh hội các khái niệm ban đầu hoặc các tri thức tiền khoa học. Chơi là hoạt động chủ đạo trong các hoạt động của trẻ. Ở trẻ MG, các yếu tố của hoạt động học tập đã xuất hiện nhưng còn ở dạng sơ khai. Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ phải tạo cơ hội cho trẻ hoạt động thông qua thực hành, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, tìm tòi, khám phá, phát hiện... giúp trẻ phát triển nhận thức, ngôn ngữ, tư duy, các kỹ năng thực hành, giao tiếp, ứng xử...

- Trẻ MG học ở mọi lúc, mọi nơi. Trẻ tiếp thu kiến thức, kỹ năng qua chơi, qua khám phá và tưởng tượng, qua trải nghiệm bằng trực giác từ tổng thể đến chi tiết với sự phối hợp của các giác quan.

- Trẻ MG học dựa vào vốn hiểu biết và kinh nghiệm của trẻ. Trẻ học và nhớ tốt hơn khi trẻ có hứng thú, tự tin và được trải nghiệm những tình huống phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ.

- Ngôn ngữ là phương tiện rất quan trọng trong việc học của trẻ. Qua đó trẻ thu lượm được những kinh nghiệm, kiến thức mới, tăng vốn hiểu biết cho bản thân.

- Trẻ MN rất tích cực tham gia vào hoạt động vui chơi – học tập. Nhưng sự hiểu biết, tôn trọng và khích lệ của GV và những người gần gũi xung quanh là rất cần thiết; đồng thời cần có sự thay đổi linh hoạt và cân bằng giữa các hoạt động do trẻ lựa chọn và GV lên kế hoạch hướng dẫn.

### **2.1.4. Dạy học ở mầm non**

- Đặc điểm của giáo dục mầm non là lấy việc hình thành và phát triển các hệ thống chức năng tâm lý và các năng lực chung của con người làm nền tảng, thông qua việc tổ chức các hoạt động nhằm giúp trẻ phát triển 1 cách hài hòa.

- Hoạt động dạy học ở MN được tổ chức theo hướng tiếp cận tích hợp các nội dung học. Các nội dung học không phân chia theo bộ môn, không phân bố cụ thể vào các tiết học mà theo những chủ đề có chứa đựng các tri thức sơ đẳng của đời sống văn hóa – xã hội và tự nhiên. Cách tổ chức này tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập của trẻ MG hòa lẫn trong hoạt động tự nhiên đầy hứng thú, sinh động.

- Các hoạt động có kế hoạch theo chủ định của giáo viên nhằm giúp trẻ hệ thống hóa, chính xác hóa dần những tri thức mà trẻ thu nhận được trong cuộc sống hàng ngày và trong những hoạt động do trẻ tự chọn.

- Khi tổ chức hoạt động học tập cho trẻ, giáo viên cần phải làm gì?

+ Cung cấp những thông tin gần gũi với cuộc sống hàng ngày của trẻ, hướng dẫn, giúp đỡ, gợi mở cho trẻ. GV không làm thay cho trẻ.

+ Chuẩn bị môi trường giáo dục, cung cấp các phương tiện, học liệu và những hoạt động đa dạng, những tình huống có vấn đề sao cho phù hợp và tăng dần độ phức

tập, có tác dụng kích thích tư duy nhằm lôi cuốn trẻ tham gia tích cực vào hoạt động tìm tòi, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, học qua thực hành, qua vui chơi; nhờ đó trẻ lĩnh hội được tri thức.

+ Quan sát, đánh giá trẻ dựa trên mục đích yêu cầu đã đặt ra và điều chỉnh, bổ sung những hoạt động mới để thúc đẩy sự phát triển của trẻ.

## **2.2. Một số vấn đề chung của phương pháp dạy học tích cực**

### **2.2.1. Thế nào là tính tích cực học tập?**

**Tính tích cực học tập là gì?**

Tính tích cực học tập - về thực chất là tính tích cực nhận thức, đặc trưng ở **khát vọng hiểu biết, cố gắng trí lực** và có **ngộ lực cao** trong quá trình chiếm lĩnh tri thức.

**Tính tích cực nhận thức do đâu mà có?**

Tính tích cực nhận thức liên quan trước hết với động cơ học tập.

- Động cơ đúng tạo ra hứng thú.

- Hứng thú là tiền đề của tự giác.

Hứng thú và tự giác là hai yếu tố tạo nên tính tích cực.

**Tính tích cực nhận thức có tác dụng như thế nào?**

- Tính tích cực nhận thức sản sinh nếp tư duy độc lập.

- Suy nghĩ độc lập là mầm mống của sáng tạo.

- Ngược lại, phong cách học tập tích cực độc lập sáng tạo sẽ phát triển tự giác, hứng thú, bồi dưỡng động cơ học tập.

**Những dấu hiệu nào biểu hiện tính tích cực nhận thức?**

Tính tích cực nhận thức thể hiện ở những dấu hiệu:

- Hăng hái trả lời các câu hỏi của giáo viên.

- Bổ sung các câu trả lời của bạn.

- Thích phát biểu ý kiến của mình trước vấn đề nêu ra;

- Hay nêu thắc mắc, đòi hỏi giải thích cặn kẽ những vấn đề chưa đủ rõ;

- Chủ động vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để nhận thức vấn đề mới;

- Tập trung chú ý vào vấn đề đang học;

- Kiên trì hoàn thành các bài tập, không nản trước những tình huống khó khăn.../

**Các cấp độ thể hiện tính tích cực nhận thức?**

- Bắt chước: gắng sức làm theo mẫu hành động của GV, của bạn...

- Tìm tòi: độc lập giải quyết vấn đề, tìm cách giải quyết khác nhau về một vấn đề...

- Sáng tạo: tìm ra cách giải quyết mới, độc đáo, hữu hiệu.

**Tính tích cực học tập trong giáo dục mầm non được hiểu như thế nào?**

- Học tích cực trong GDMN được hiểu là trẻ được tích cực hoạt động với các đồ vật, đồ chơi cùng môi liên hệ với thực tế và con người... trong môi trường gần gũi xung quanh để hình thành nên những hiểu biết của bản thân.

- Học tích cực trong GDMN gồm có 5 thành phần:

- + Các vật liệu được sử dụng theo nhiều cách
- + Trẻ tìm hiểu, thao tác, kết hợp, làm biến đổi các vật liệu một cách tự do
- + Trẻ tự lựa chọn những gì trẻ muốn làm ( sự lựa chọn)
- + Trẻ mô tả những gì trẻ đang làm bằng chính ngôn ngữ của trẻ (ngôn ngữ)
- + Người lớn khuyến khích trẻ nêu vấn đề, giải quyết các tình huống.

- Những biểu hiện tích cực của trẻ:

- + Trực tiếp hoạt động với đồ dung, đồ chơi
- + Tự giải quyết các vấn đề hoặc các tình huống đến cùng

### **2.2.2. Phương pháp dạy học tích cực**

PPDH tích cực là một thuật ngữ để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

"Tích cực" trong PPDH - tích cực được dùng với nghĩa là hoạt động, chủ động, trái nghĩa với không hoạt động, thụ động chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực.

PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy. Để dạy học theo phương pháp tích cực thì GV phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động. Vì vậy, PPDH tích cực không làm giảm sút vai trò của GV trong quá trình dạy học.

#### **\* PPDH tích cực trong giáo dục mầm non được hiểu như thế nào?**

- PPDH tích cực trong giáo dục mầm non không chỉ có những phương pháp dạy học hiện đại mà còn cần phải kế thừa và phát huy những ưu điểm và tác dụng tích cực của các PPDH truyền thống. Thực tế mỗi PPDH truyền thống như: PP quan sát, làm mẫu, kể chuyện, đàm thoại, trò chuyện, giải thích, nêu vấn đề, thực hành, dùng tình cảm...đều có những ưu điểm riêng và chúng đều có tác dụng như:

- +Phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của trẻ
- + Tạo mối quan hệ giao tiếp giữa trẻ với nhau và giữa trẻ với cô giáo
- + Tạo cơ hội cho trẻ tìm tòi, khám phá, trải nghiệm, phát triển tư duy
- + Khuyến khích trẻ tích cực hoạt động cá nhân và hoạt động trong nhóm lớp
- + Rèn luyện PP tự học, tự đánh giá, tự điều chỉnh bản thân.

#### **\* Đặc trưng của các PPDH tích cực.**

+ **Dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của HS .**

Trong PPDH tích cực, người học - đối tượng của hoạt động "dạy", đồng thời là chủ thể của hoạt động "học":

- Được cuốn hút vào các hoạt động học tập do GV tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó tự lực khám phá những điều mình chưa rõ.

- Được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, người học trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình.

- Được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo.

#### **+ Dạy và học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học.**

Phương pháp tích cực xem việc rèn luyện phương pháp học tập cho HS không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là một mục tiêu dạy học.

Sự bùng nổ thông tin, khoa học, kĩ thuật khiến chúng ta không thể nhồi nhét vào đầu óc trẻ khối lượng kiến thức ngày càng nhiều mà đòi hỏi phải quan tâm dạy cho trẻ phương pháp học.

Trong các phương pháp học thì cốt lõi là phương pháp tự học. Vì vậy, ngày nay người ta nhấn mạnh mặt hoạt động học trong quá trình dạy học, tạo ra sự chuyển biến từ học tập thụ động sang tự học chủ động: tự học ở nhà sau bài lên lớp; tự học trong tiết học có sự hướng dẫn của giáo viên.

#### **+ Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác.**

Phương pháp học tập hợp tác được tổ chức ở cấp nhóm, tổ, lớp hoặc trường. Hình thức dạy học phổ biến là hoạt động hợp tác trong nhóm nhỏ 4 đến 6 người.

Dạy học hợp tác có tác dụng:

- Làm tăng hiệu quả học tập, nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gay cấn.

- Làm mất đi hiện tượng ỷ lại;

- Tính cách, năng lực của mỗi thành viên được bộc lộ, uốn nắn.

- Phát triển tình bạn, ý thức tổ chức, tinh thần tương trợ.

#### **+ Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò.**

Trong dạy học, việc đánh giá trẻ không chỉ nhằm mục đích nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động học của trẻ mà còn đồng thời tạo điều kiện nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy của cô.

+ Dạy học truyền thống, cô giữ độc quyền đánh giá trẻ.

+ Dạy học tích cực, cô phải hướng dẫn trẻ phát triển kĩ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau để tự điều chỉnh cách học.

### **Sự khác nhau giữa PPDH thụ động với PPDH tích cực**

PPDH thụ động	PPDH tích cực
- Tập trung vào các hoạt động của cô giáo - Cô giáo thuyết trình, diễn giải các nội dung kiến thức theo trình tự bài soạn sẵn. Nội dung giáo dục được di chuyển từ trên xuống dưới theo mục đích giáo dục	- Tập trung vào các hoạt động của trẻ - Cô giáo tổ chức các hoạt động học tập cho trẻ, xác định chủ đề, lên kế hoạch, lồng ghép hoạt động, phát huy hứng thú, tích cực chủ động, sáng tạo của trẻ. Nội dung giáo dục xuất phát từ nhu cầu hứng thú của trẻ



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cô nói nhiều và làm thay cho trẻ</li>   <li>- Trẻ lắng nghe 1 cách thụ động</li>   <li>- Giao tiếp từ cô → trẻ</li> <li>- Trẻ công nhận những nội dung, kiến thức theo diễn giải của cô</li>   <li>- Đánh giá trên cơ sở tái hiện kiến thức theo yêu cầu của cô</li> <li>- Cô giáo nhận xét, bổ sung câu trả lời của trẻ là chủ yếu. Cô giáo đánh giá là chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ là người khởi xướng các hoạt động chọn góc chơi, thảo luận với bạn, trải nghiệm, tìm kiếm, khám phá, tự làm, tự trình bày ý kiến của mình...</li> <li>- Trẻ được khuyến khích và tự mình tham gia tích cực vào quá trình hoạt động giáo dục, tìm tòi, khám phá, trải nghiệm bằng các giác quan.</li> <li>- Giao tiếp cô ↔ trẻ, trẻ ↔ trẻ.</li> <li>- Trẻ chủ động thực hiện các hoạt động học tập cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của cô để hoàn thành nhiệm vụ học tập, huy động vốn kinh nghiệm của trẻ.</li> <li>- Đánh giá trên cơ sở vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống: Vui chơi, học tập,...</li> <li>- Đánh giá của cô kết hợp với tự đánh giá của trẻ.</li> </ul>
--	--

**\* Để áp dụng tốt PPDH tích cực trong GDMN, giáo viên cần làm như thế nào?**

- Để áp dụng tốt PPDH tích cực trong GDMN, giáo viên cần làm:
  - + Dựa vào vốn kinh nghiệm của trẻ, khai thác khả năng hoạt động của trẻ, tạo cơ hội để trẻ phát triển khả năng tự khám phá, tìm tòi, trải nghiệm... đối tượng nhận thức
  - + Tôn trọng, đồng cảm với nhu cầu của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ phát triển, thích ứng, hòa nhập với cuộc sống xung quanh
  - + Kích thích động cơ bên trong của trẻ, gây hứng thú, lôi cuốn trẻ vào các hoạt động; tạo các tình huống có vấn đề cho trẻ hoạt động, đặc biệt là hoạt động nhận thức
  - + Khuyến khích trẻ tham gia tích cực vào các hoạt động và trải nghiệm, tự hoàn thiện. Tôn trọng sự suy nghĩ sáng tạo của trẻ, chống gò ép, áp đặt làm trẻ thụ động
  - + Phát hiện những biểu hiện tích cực hoạt động của trẻ để tạo tình huống cơ hội và khuyến khích trẻ tham gia hoạt động. Các biểu hiện tích cực hoạt động của trẻ thường được thể hiện như:
    - => Trẻ thích hoạt động tìm hiểu, khám phá trải nghiệm bằng sự phối hợp các giác quan: Nhìn, nghe, ngửi, sờ, nếm...
    - => Trẻ hay nêu câu hỏi thắc mắc như: Ở đâu? Tại sao? để làm gì?
    - => Trẻ tập trung chú ý và kiên trì trong quá trình hoạt động, giải quyết các tình huống đặt ra đến cùng.
- Giáo viên cần lưu ý:

- + Tổ chức môi trường giáo dục và chế độ sinh hoạt hằng ngày sao cho phong phú
- + Xây dựng bầu không khí giao tiếp tích cực
- + Khuyến khích trẻ tự giải quyết vấn đề, tự diễn đạt những suy nghĩ bằng lời nói...
- + Quan sát, giúp trẻ hành động tốt và có hiệu quả hơn
- + Có kế hoạch hoạt động dựa trên hứng thú và khả năng hiểu biết của trẻ
- Nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ, khi áp dụng PPDH tích cực trong GDMN, GV cần thực hiện 5 nội dung sau:
  - + Thông qua việc tổ chức các hoạt động của trẻ
  - + Phối hợp hợp lý các PP khi tổ chức các hoạt động của trẻ
  - + Phối hợp hoạt động cá nhân và hoạt động theo nhóm
  - + Phối hợp đánh giá thường xuyên của cô giáo và tự đánh giá của trẻ
- + Áp dụng PPDH tích cực trong GDMN cần thiết có các điều kiện thực hiện hợp lý.

### **2.2.3. Điều kiện và phương tiện hỗ trợ áp dụng PPDH tích cực**

- + Các điều kiện:
  - GV phải được đào tạo chu đáo để thích ứng với những nhiệm vụ đa dạng, phức tạp của mình trong quá trình CS – GD trẻ, đồng thời, phải có trách nhiệm, nhiệt tình, tận tụy với công việc. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV phải rộng và sâu, có kỹ năng ứng xử linh hoạt với các tình huống sư phạm và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình giáo dục trẻ.
  - Trẻ được tạo điều kiện để dần dần thích ứng với phương pháp tích cực như: tự giác, độc lập suy nghĩ, có trách nhiệm hoàn thành những nhiệm vụ vui chơi – học tập của mình, biết cách và có thói quen tự học mọi nơi, mọi lúc.
  - Chương trình, tài liệu hướng dẫn phải tạo điều kiện cho cô và trẻ tổ chức các hoạt động tích cực, chủ động sáng tạo
  - Bổ sung trang thiết bị hoạt động vui chơi – học tập cho GV và trẻ để GV và trẻ độc lập hoạt động cá nhân hoặc theo hoạt động theo nhóm.
  - Thay đổi cách đánh giá trẻ và GV để phát huy trí thông minh, sáng tạo của trẻ; khuyến khích trẻ vận dụng những hiểu biết của trẻ vào thực tế; bộc lộ những cảm xúc, thái độ của trẻ về bản thân, bạn bè, gia đình, cộng đồng.
- + Sử dụng hợp lý các đồ dùng trực quan như là phương tiện hỗ trợ có hiệu quả cho GV khi sử dụng phương pháp dạy học tích cực
  - Tận dụng phương tiện sẵn có trong môi trường tự nhiên – xã hội ở địa phương như cây, con, hoa quả... ở vườn cây, bồn hoa, công viên, bể cá, trại chăn nuôi, các công trình văn hóa... gần lớp học nhưng phải đảm bảo yêu cầu về nhận thức, an toàn, thẩm mỹ...
  - Phải có những đồ dùng tự tạo như tranh ảnh, mô hình, hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu... Có thể làm đồ dùng bằng nhiều cách khác nhau, bằng nhiều loại chất liệu khác nhau, phong phú về thể loại, đẹp về hình thức... Khuyến khích sử dụng lại các sản phẩm

do trẻ làm ra trong hoạt động này để phục vụ cho việc giảng dạy học tập trong các hoạt động khác. Không nên cho trẻ sử dụng nhiều các đồ dùng do Gv làm mà nên tạo điều kiện cho trẻ cùng tham gia làm. Đây chính là thể hiện của đổi mới trong việc sử dụng đồ dùng đồ chơi như thế nào cho hiệu quả.

VD: Khi cho trẻ làm quen với chủ đề giao thông, đầu tuần, GV cho trẻ thảo luận những kinh nghiệm của trẻ về các phương tiện giao thông đường bộ, đường hàng không, đường thủy. Tiếp theo GV cùng hướng dẫn trẻ cùng gấp tàu, thuyền; cho trẻ vẽ tranh về biển rồi dán các con thuyền lên tranh; trẻ gấp ô tô hoặc cắt ô tô trên các tạp chí, sách tranh; sau đó, dán tranh về giao thông ở thành thị hoặc ở nông thôn. Những ngày tiếp đó, trẻ tiếp tục khám phá nội dung của chủ đề phương tiện giao thông trên các tranh GV và trẻ cùng làm ra. Điều này sẽ làm cho trẻ hứng thú học hỏi.

Trong quá trình làm ra sản phẩm, trẻ không chỉ phát triển kiến thức giao thông mà cả kĩ năng về các mặt như: vận động, ngôn ngữ, toán, tạo hình...

- Đồ dùng tự nhiên và đồ dùng tự tạo rất phong phú. GV cần lựa chọn đồ dùng phù hợp với nội dung, yêu cầu và khả năng nhận thức của trẻ. Các đồ dùng có thể bổ sung cho nhau để giúp phát huy được tính sáng tạo của trẻ

- GV cần sử dụng đồ dùng trực quan đúng lúc, đúng cách để tạo cho trẻ hứng thú nhận thức, tập trung vào đối tượng nhận thức, thu hút trẻ hoạt động tích cực. Khi cho trẻ tri giác đối tượng qua đồ dùng trực quan, Gv cần chú ý đến đặc điểm mang tính tổng thể, các phần chính, phần phụ của đối tượng được quan sát.

- Trong quá trình hướng dẫn nếu có sử dụng đồ dùng trực quan, GV cần huy động tối đa các giác quan của trẻ nhằm giúp trẻ nhận thức đối tượng 1 cách phong phú, chính xác, thu hút trẻ đi sâu tìm tòi, khám phá đối tượng và tính tích cực của trẻ sẽ được phát huy cao.

- Khi trình bày đồ dùng trực quan, GV phải làm mẫu và giải thích ngắn gọn, hợp lí; kết hợp với hệ thống câu hỏi với lời chỉ dẫn có định hướng cụ thể

- Khi sử dụng đồ dùng trực quan, GV cần xuất phát từ mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp của chủ đề hoặc đối tượng cho trẻ làm quen để lựa chọn đồ dùng cho hợp lý. GV cần sử dụng đồ dùng trực quan với số lượng vừa đủ, tránh quá nhiều, gây rối loạn, hoặc làm phân tán sự chú ý của trẻ vào đối tượng quan sát.

- Trong quá trình hướng dẫn 1 chủ đề, GV cần tránh sử dụng đồ dùng trực quan quá lâu. Khi đã sử dụng đồ dùng trực quan 1 thời gian hợp lý, GV cần chuyển sang các hình thức khác. Bước chuyển đó cần có vật trung gian thay thế mô hình, sơ đồ, kí hiệu.

## **2.3. Một số phương pháp dạy học tích cực**

### **2.3.1. Phương pháp ứng dụng tâm lý trẻ để tạo môi trường dạy học tích cực**

#### **a. Khái niệm**

Phương pháp ứng dụng tâm lý trẻ để tạo môi trường dạy học tích cực là giáo viên vận dụng những hiểu biết về tâm lý trẻ em để tổ chức quá trình học tập nhằm kích thích tính tích cực của trẻ.

#### **b. Cách tiến hành**

- Nghiên cứu bài học

- Tìm hiểu đặc điểm tâm lý của tập thể và từng cá nhân trẻ em.

- Thiết kế phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ em.
- Thiết kế hoạt động cho từng trẻ cụ thể để phát huy thế mạnh và khắc phục những hạn chế của mỗi trẻ.

### **c. Những yêu cầu sư phạm**

- Phải có kiến thức về tâm lý học nói chung về tâm lý trẻ em nói riêng.
- Giáo viên phải được bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ sư phạm.
- Giáo viên phải tâm huyết với sự nghiệp giáo dục trẻ em, thực sự yêu nghề mến trẻ, có tinh thần tích cực đổi mới phương pháp giáo dục.

## **2.3.2. Phương pháp động não**

### **a. Khái niệm**

Động não là phương pháp giúp cho trẻ trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó.

### **b. Cách tiến hành**

Có thể tiến hành theo các bước sau:

- Giáo viên (GV) nêu câu hỏi hoặc vấn đề (có nhiều cách trả lời) cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm.
- Khích lệ trẻ phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.
- Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng hoặc giấy to không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.
- Phân loại các ý kiến.
- Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng.
- Tổng hợp ý kiến của trẻ, hỏi xem có thắc mắc hay bổ sung gì không.

### **c. Những yêu cầu sư phạm**

- Phương pháp động não có thể dùng để lý giải bất kỳ một vấn đề nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong cuộc sống thực tế của trẻ.
- Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn bằng một từ hay một câu thật ngắn.
- Tất cả mọi ý kiến đều cần được GV hoan nghênh, chấp nhận mà không nên phê phán, nhận định đúng, sai ngay.
- Cuối giờ thảo luận GV nên nhấn mạnh kết luận này là kết quả của sự tham gia chung của tất cả trẻ.
- Động não không phải là một phương pháp hoàn chỉnh mà chỉ là sự khởi đầu. Một khi danh sách các câu trả lời đã được hoàn thành, cần phải cho cả lớp dùng danh sách này để xác định xem câu trả lời nào là sai.
- Nhờ không khí thảo luận cởi mở nên trẻ đặc biệt là những em nhút nhát, trở nên bạo dạn hơn; trẻ học được cách trình bày ý kiến của mình biết lắng nghe có phê phán ý kiến của bạn; từ đó, giúp trẻ dễ hoà nhập vào cộng đồng nhóm, tạo cho các em sự tự tin, hứng thú trong học tập và sinh hoạt.

## **2.3.3. Phương pháp hoạt động nhóm nhỏ**

**a. Khái niệm:** Phương pháp dạy học theo nhóm là gì?

- Học tập nhóm là một phương pháp học tập mà trong nhóm trẻ có thể trao đổi, giúp đỡ và hợp tác với nhau trong học tập

- Dạy học theo nhóm được hiểu là cách dạy học, trong đó giáo viên chia trẻ thành các nhóm nhỏ, cùng nhau giải quyết các vấn đề mà giáo viên đặt ra, từ đó giúp trẻ tiếp thu được một kiến thức nhất định nào đó. Nhằm giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy của trẻ. Qua đó phát triển nhân cách cho trẻ.

**b. Bản chất của phương pháp dạy hoạt động nhóm**

- Làm việc theo nhóm có thể tập trung những mặt mạnh của từng trẻ và bổ sung, hoàn thiện cho nhau những điểm yếu.

- Dạy học theo nhóm đòi hỏi giáo viên phải chuẩn bị kỹ lưỡng kế hoạch dạy học, lựa chọn những nội dung thực sự phù hợp với hoạt động nhóm và thiết kế được các hoạt động giúp trẻ lĩnh hội, khám phá kiến thức mới một cách tốt nhất.

- Là hình thức thực hiện tốt việc dạy học phát huy tính tích cực của trẻ.

- Với hình thức này, trẻ được hấp dẫn, lôi cuốn vào các hoạt động học, tiếp thu kiến thức bằng chính khả năng của mình với sự giúp đỡ, hướng dẫn của GV.

- Phương pháp dạy học theo nhóm được sử dụng nhằm khai thác vốn kiến thức mà trẻ đã tích lũy, những hiểu biết thực tế trong đời sống hoặc vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

**c. Ưu nhược điểm của phương pháp dạy hoạt động nhóm**

❖ Ưu điểm:

- Hoạt động hợp tác trong nhóm sẽ làm cho từng trẻ quen dần với sự phân công hợp tác trong lao động xã hội, hiệu quả hoạt động sẽ tăng lên nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gây cản, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành công việc.

- Trong hoạt động hợp tác, mục tiêu hoạt động là của toàn nhóm, nhưng mỗi cá nhân được phân công một nhiệm vụ cụ thể, phối hợp nhau để đạt mục tiêu chung: Mô hình hợp tác trong xã hội đưa vào đời sống học đường có tác dụng chuẩn bị cho trẻ thích ứng với đời sống xã hội trong đó mỗi người sống và làm việc theo sự phân công hợp tác với tập thể cộng đồng.

- Tất cả các trẻ trong nhóm đều có cơ hội tham gia chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm của mình với cả nhóm. Trong quá trình quan sát các nhóm làm việc giáo viên có thể thay đổi cấu trúc của nhóm để tạo cơ hội cho các trẻ có dịp trao đổi nhiều người với nhau. Xây dựng ý thức làm việc theo nhóm.

❖ Nhược điểm:

- Dạy học theo nhóm có thể gây ồn trong lớp khó kiểm soát, vì vậy giáo viên cần chú ý giáo dục và rèn luyện kỹ năng hoạt động hợp tác trong nhóm cho trẻ.

- Nhiều trẻ không thích học theo nhóm, vì muốn chứng tỏ khả năng của mình với giáo viên hơn là với bạn.

- Trong nhóm có thể có 1 số trẻ tích cực, số khác ỷ lại vào các bạn trong nhóm.

- Việc phân nhóm khó khăn mất nhiều thời gian, khó có thể đánh giá trên kết quả thảo luận của nhóm. Vì vậy cô giáo cần kết hợp đánh giá của cô với đánh giá của trẻ.

#### **d. Nội dung dạy trẻ hoạt động nhóm**

- Dạy trẻ biết phát biểu ý kiến của mình: Trẻ phải tự nói lên suy nghĩ của mình trong khi làm việc nhóm, đồng thời đưa ra ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý khi giải quyết vấn đề đó.

- Dạy trẻ biết tôn trọng ý kiến của bạn: Hướng dẫn cho trẻ cách thức giải quyết vấn đề, không được bác bỏ ý kiến của bạn trong khi làm việc, phải thống nhất cả nhóm để có kết quả cuối cùng.

- Dạy trẻ phân chia công việc: Khi thực hiện làm việc nhóm, dạy trẻ cách phân công công việc cụ thể cho từng bạn, trẻ không có quyền giành việc của bạn nếu không được nhóm phân công.

- Dạy trẻ biết hợp tác với bạn: Trẻ nếu biết nhiều sẽ thường xảy ra trường hợp ôm việc và không muốn bạn cùng làm, dạy trẻ biết hợp tác cho bạn chơi và làm việc cùng để khuyến khích giao lưu cũng như giáo dục trẻ quan tâm đến người khác.

- Dạy trẻ cách diễn đạt ý tưởng của cả nhóm: Khi sản phẩm được thực hiện xong, cả nhóm phải nói lên ý tưởng sản phẩm của mình, điều này bắt buộc trẻ phải thống nhất các bạn trong nhóm đồng ý hoặc không đồng ý trước khi nói với tập thể

#### **e. Yêu cầu thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động nhóm:**

- Cần kết hợp phương pháp dạy học theo nhóm với các phương pháp đặc trưng chơi mà học, học mà chơi trên cơ sở nội dung bài học. Các phương pháp này phát huy tính tự giác, tích cực chủ động, sáng tạo của trẻ dưới sự tổ chức chỉ đạo của cô giáo.

- Cô giáo cần có sự nhiệt tình, có vốn sống để lựa chọn và kết hợp hài hoà các phương pháp nhằm đạt hiệu quả cao.

- Lớp học được chia làm 4-6 nhóm mỗi nhóm có khoảng 6-8 trẻ.

- Nhóm tự bầu ra 1 nhóm trưởng để điều khiển hoạt động của nhóm.

- Mỗi trẻ trong nhóm đều phải làm việc tích cực không được ỷ lại 1 vài bạn có năng động, các bạn trong nhóm giúp đỡ lẫn nhau tìm hiểu vấn đề trong không khí thi đua với các nhóm khác. Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả chung của cả lớp.

- Đến khâu trình bày kết quả làm việc của nhóm trước lớp, nhóm cử 1 đại diện hoặc nhóm trưởng phân công thành viên trình bày.

#### **❖ Cách tổ chức: Có 3 bước**

a) Làm việc chung của cả lớp.( theo sự gợi mở của cô)

- Nêu vấn đề, xác định nhiệm vụ nhận thức.

- Thông báo thời gian làm việc.

- Hướng dẫn cách làm việc theo nhóm để việc thảo luận đạt hiệu quả, giáo viên cần xác định mục đích chỉ dẫn nhiệm vụ cần thực hiện, ấn định thời gian, nghĩa là làm cho trẻ hiểu ý nghĩa một cách sơ đẳng nhất, mục đích việc sắp làm, nắm vững các bước thực hiện và biết trước thời gian cần thực hiện nhiệm vụ bao lâu.

a) Làm việc theo nhóm:

- Phân công trong nhóm.
- Trao đổi ý kiến , thảo luận trong nhóm.
- Cử đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm.
- Sau khi xác định nhiệm vụ cần thực hiện trẻ thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân, sau đó trao đổi ý kiến thảo luận trong nhóm để rút ra vấn đề chung cuối cùng đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình.

c) Thảo luận tổng kết trước lớp :

- Các nhóm báo cáo kết quả -Thảo luận chung .
- Giáo viên nhận xét, bổ sung tổng kết khi thời gian thảo luận kết thúc giáo viên tổ chức để đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác nêu nhận xét bổ sung.

Nếu kết quả thảo luận của các nhóm chưa thống nhất, giáo viên đưa vấn đề ra thảo luận chung cả lớp rồi mới đưa ra đáp án đúng, hoàn chỉnh kiến thức cho trẻ đồng thời đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm

### 2.3.4. Phương pháp học theo góc

#### a. Học theo góc là gì?

Là một hình thức tổ chức hoạt động học tập theo đó trẻ thực hiện các nhiệm vụ khác nhau tại các vị trí cụ thể trong không gian lớp học.

#### Học theo góc

- Là một môi trường học tập với cấu trúc được xác định cụ thể
  - Kích thích trẻ tích cực học thông qua hoạt động
  - Đa dạng về nội dung và hình thức hoạt động
  - Mục đích là để trẻ được thực hành, khám phá và trải nghiệm qua mỗi hoạt động.
- Ví dụ: 4 góc cùng thực hiện một nội dung và mục tiêu học tập nhưng theo các phong cách học khác nhau và sử dụng các phương tiện/đồ dùng học tập khác nhau.

#### b. Ưu điểm của học theo góc

- Kích thích trẻ tích cực học tập thông qua hoạt động
- Tăng cường sự tham gia, nâng cao hứng thú và cảm giác thoải mái ở trẻ
- Học sâu & hiệu quả bền vững
- Tương tác mang tính cá nhân cao giữa GV và trẻ
- Hạn chế tình trạng trẻ phải chờ đợi
- Nhiều không gian hơn cho những thời điểm học tập mang tính tích cực
- Nhiều khả năng lựa chọn hơn
- Nhiều thời gian hướng dẫn cá nhân hơn
- Tạo điều kiện cho trẻ tham gia hợp tác cùng học tập

#### c. Các bước dạy học theo góc

**Bước 1 :** Lựa chọn nội dung bài học phù hợp

**Bước 2 :** Xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng góc

**Bước 3 :** Thiết kế các hoạt động để thực hiện nhiệm vụ ở từng góc bao gồm phương tiện/tài liệu (tư liệu nguồn, văn bản hướng dẫn làm việc theo góc; bản hướng dẫn theo mức độ hỗ trợ, bản hướng dẫn tự đánh giá,...)

**Bước 4 :** Tổ chức thực hiện học theo góc

Trẻ được lựa chọn góc theo sở thích

Trẻ được học luân phiên tại các góc theo thời gian quy định (ví dụ 10' - 15' tại mỗi góc) để đảm bảo học sâu

**Bước 5 :** Tổ chức trao đổi/chia sẻ (thực hiện linh hoạt)

#### **d. Tiêu chí học theo góc**

- Tính phù hợp

+ Nhiệm vụ và cách tổ chức hoạt động học tập thực sự là phương tiện để đạt mục tiêu, tạo ra giá trị mới chứ không chỉ là hình thức.

+ Nhiệm vụ giàu ý nghĩa, thiết thực, mang tính kích thích, thúc đẩy đối với trẻ.

- Sự tham gia

+ Nhiệm vụ và cách tổ chức dạy học mang lại hoạt động trí tuệ ở mức độ cao. Trẻ tham gia vào hoạt động một cách chủ động, tích cực.

+ Biết áp dụng kiến thức vào thực tế.

- Tương tác và sự đa dạng

+ Tương tác giữa GV và trẻ, trẻ với trẻ được thúc đẩy đúng mức.

+ Tạo cơ hội cho trẻ áp dụng những kinh nghiệm đã có.

- Một số lưu ý

+ Chọn nội dung bài học phù hợp với đặc trưng của Học theo góc

+ Chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, tư liệu phù hợp với nhiệm vụ học tập mỗi góc

+ Đảm bảo cho trẻ thực hiện nhiệm vụ luân phiên qua các góc (Học sâu và học thoải mái)

### **2.3.5. Phương pháp đóng vai**

#### **a. Khái niệm**

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho trẻ thực hành “Làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp giảng dạy nhằm giúp trẻ suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này và hơn thế điều quan trọng nhất là sự thảo luận sau phần diễn ấy.

Phương pháp đóng vai có nhiều ưu điểm như :

- Trẻ được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn.



- Gây hứng thú và chú ý cho trẻ.
- Tạo điều kiện làm phát triển óc sáng tạo của trẻ .
- Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của trẻ theo hướng tích cực.
- Có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

## **b. Cách tiến hành**

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

- GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống và yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.
- Các nhóm lên đóng vai.
- Lớp thảo luận, nhận xét, thường thì thảo luận bắt đầu về cách ứng xử của các nhân vật cụ thể hoặc tình huống trong vở diễn, nhưng sẽ mở rộng phạm vi xem thảo luận những vấn đề khái quát hơn hay những vấn đề và vở diễn chứng minh.
- GV kết luận

## **c. Yêu cầu sư phạm**

- Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề giáo dục học để cùng chung sống, phù hợp với lứa tuổi, trình độ trẻ và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.
- Tình huống nên để mở, không cho trước “ Kịch bản” , lời thoại.
- Phải dành thời gian phù hợp cho các nhóm chuẩn bị đóng vai.
- Người đóng vai phải hiểu rõ vai của mình trong bài tập đóng vai để không lạc đề.
- Nên khích lệ cả những học sinh nhút nhát cùng tham gia.
- Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai.

## **2.3.6. Phương pháp nghiên cứu tình huống (hay nghiên cứu các trường hợp điển hình)**

### **a. Khái niệm**

Nghiên cứu tình huống thường là một câu chuyện được viết nhằm tạo ra một tình huống “ thật” để minh chứng một vấn đề hay loạt vấn đề. Đôi khi nghiên cứu tình huống có thể được thực hiện trên video hay một băng cátset mà không phải trên dạng chữ viết. Vì tình huống này được nêu lên nhằm phản ánh tính đa dạng của cuộc sống thực, nó phải tương đối phức tạp, với các dạng nhân vật và những tình huống khác nhau chứ không phải là một câu chuyện đơn giản

### **b. Các bước tiến hành**

Các bước nghiên cứu tình huống có nghĩa là :

- Đọc ( hoặc xem hoặc nghe) tình huống thực tế.
- Suy nghĩ về tình huống
- Đưa ra một hay nhiều câu hỏi hướng dẫn liên quan đến tình huống

- Thảo luận tình huống thực tế
- Thảo luận vấn đề chung hay các vấn đề được minh chứng bằng thực tế

### **c. Yêu cầu sư phạm**

- Tình huống có thể dài hay ngắn, tùy từng nội dung vấn đề.
- Tình huống phải được kết thúc bằng một loạt các vấn đề hoặc câu hỏi như: bạn nghĩ điều gì sẽ xảy ra tiếp theo? Bạn sẽ làm gì nếu bạn là nhân vật A? Nhân vật B? Vấn đề này có thể đã được ngăn chặn như thế nào? Lúc này cần phải làm gì để hạn chế tính trầm trọng của vấn đề? v.v...
- Vấn đề trả lời các câu hỏi này phải được dùng để khái quát một tình huống rộng hơn.

### **2.3.7. Phương pháp trò chơi.**

#### **a. Mô tả phương pháp**

Trò chơi là phương pháp tổ chức hoạt động trò chơi cho trẻ để giải quyết một hoặc một số nội dung bài học. Phương pháp trò chơi thu hút được nhiều trẻ vào học tập, tạo sự chú ý cho tất cả trẻ, có khả năng gây hứng thú và lây lan hứng thú học tập đến mọi trẻ.

#### **b. Cách tiến hành**

- + Nêu yêu cầu, ý nghĩa, tác dụng.
- + Phổ biến luật chơi, cách tính điểm, khen thưởng,...
- + Quán triệt tinh thần, thái độ.
- + Tổ chức, phân công.
- + Tiến hành hoạt động chơi.
- + Công bố kết quả, nhận xét, đánh giá, khen thưởng.

#### **c. Các phương pháp trò chơi:**

+ Trò chơi ghép hình: lựa chọn các mảnh ghép để hoàn thành một hình nào đó mà việc lựa chọn phải dựa vào sự trả lời các câu hỏi.

+ Trò chơi mở mảnh ghép: Mỗi nhóm hoàn thành một nhiệm vụ tìm hiểu vấn đề nào đó của bài học thì mảnh ghép lựa chọn được mở ra.

+ Trò chơi ô chữ: đố đoán được các chữ trong các ô hàng ngang, các đội chơi phải giải quyết các câu hỏi tương ứng.

+ Trò chơi xanh - đỏ: Mỗi đội được phát hai lá cờ: xanh và đỏ. Các đội chơi lựa chọn các phương án trả lời cho các câu hỏi đúng - sai để đem về số cờ đỏ nhiều nhất (đúng) và số cờ xanh ít nhất (sai).

+ Trò chơi truyền điện: các thành viên trong từng đội chơi phải đảm bảo nhanh nhạy để chuyển tiếp các phương án trả lời cho người của phe mình trong thời gian qui định để đóng góp nhiều nhất vào một nội dung nào đó, hoặc hoàn thành một nội dung nào đó.

+ Trò chơi giải mật mã: các đội xây dựng phương án để tìm ra chỗ sai của một vấn đề và lí giải nó.

### **2.3.8. Phương pháp sử dụng kỹ thuật dạy học “bể cá”**

“Bê cá” là một phương pháp dùng trong thảo luận nhóm, trong đó:

- Một nhóm trẻ ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau;
- Những trẻ khác trong lớp ngồi xung quanh theo dõi cuộc hội thảo;
- Sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì trẻ quan sát đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những trẻ thảo luận;
- Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

## **2.4. Thiết kế phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non**

### **2.4.1. Những nguyên tắc thiết kế phương pháp dạy học**

#### **a. Tuân thủ bản chất khái niệm phương pháp dạy học**

Mỗi PPDH luôn cấu thành từ 3 thành phần:

1) Phương pháp luận dạy học-tức lí thuyết PPDH.

Mô hình lí thuyết của PPDH, được mô tả, giải thích trong sách báo khoa học. Nó xác định bản chất của PPDH, làm cho PPDH này khác PPDH kia.

Ví dụ: lí thuyết về các mô hình thảo luận, lí thuyết dạy học kiến tạo, lí thuyết dạy học chương trình hóa,...

2) Hệ thống kỹ năng phù hợp để thực hiện phương pháp luận này trong bài học với nội dung học vấn đặc trưng của lĩnh vực học tập đó (bài học khác nhau thì phương pháp luận đó đòi hỏi những kỹ năng khác nhau) Đây là mô hình tâm lí của PPDH.

3) Những kĩ thuật, công cụ, phương tiện,... được sử dụng để thực hiện các kỹ năng và được tổ chức theo phương pháp luận đã chọn.

Sự tổ chức thống nhất của 3 phần này trong tư duy và trong hoạt động vật chất mới tạo nên một PPDH cụ thể. Gộp cả 3 phần lại một cách tùy tiện thì không thành PPDH nào rõ ràng.

#### **b. Đảm bảo thích hợp, hài hòa với thiết kế tổng thể của bài học**

##### **Thiết kế bài học**

Thiết kế bài học gồm:

- Thiết kế mục tiêu.
- Thiết kế nội dung.
- Thiết kế các HĐ của trẻ.
- Thiết kế nguồn lực và phương tiện.
- Thiết kế môi trường học tập.
- Thiết kế hoạt động.

Toàn bộ thiết kế bài học cho thấy diện mạo chung của PPDH, bên cạnh mục tiêu, nội dung, phương tiện, các yếu tố và tổ chức môi trường, chứ chưa phản ánh thiết kế chi tiết của PPDH.

##### **Thiết kế phương pháp dạy học**

Có 4 loại hoạt động cơ bản mà người học phải thực hiện để hoàn thành mỗi bài học:

- 1) Hoạt động phát hiện-tìm tòi
- 2) Hoạt động xử lí-biến đổi dữ liệu, thông tin và giá trị đã thu được.
- 3) Hoạt động áp dụng kết quả xử lí-biến đổi và phát triển khái niệm.
- 4) Hoạt động đánh giá quá trình và kết quả

Việc thiết kế PPDH phải bám sát từng loại hoạt động này, cũng như phương tiện, môi trường của bài học. Tương ứng với một loại hoạt động của người học, có một thiết kế PPDH và một phương án dự phòng. Sự vận hành chung của 4 loại thiết kế PPDH cho mỗi loại hoạt động sẽ tạo nên thiết kế chi tiết PPDH cho toàn bộ bài học.

### **c. Dựa vào những phương thức học tập và các kiểu phương pháp dạy học chung**

#### **Các phương thức học tập tổng quát**

- 1) Học bằng cách bắt chước, sao chép mẫu - đó là cơ chế tự nhiên và phổ biến nhất của học tập.
- 2) Học bằng làm việc (bằng hành động có chủ định), đó là cách học chủ yếu bằng tay chân, vận động thể chất và tập luyện.
- 3) Học bằng trải nghiệm các quan hệ chia sẻ kinh nghiệm, đó là cách học chủ yếu bằng rung cảm, xúc cảm, cảm nhận.
- 4) Học bằng suy nghĩ lí trí, tức là bằng ý thức lí luận, tư duy trừu tượng, suy ngẫm trên cơ sở hoạt động trí tuệ để giải quyết vấn đề.

#### **Các kiểu phương pháp dạy học**

Tương ứng với những phương thức học tập, có những kiểu PPDH sau:

- Kiểu PPDH thông báo-thu nhận
- Kiểu PPDH làm mẫu-tái tạo
- Kiểu PPDH kiến tạo-tìm tòi
- Kiểu PPDH khuyến khích-tham gia
- Kiểu PPDH tình huống (hay vấn đề)

Cách gọi tên của kiểu PPDH chỉ rõ khuynh hướng và tính chất hành động của GV và người học. Mỗi kiểu PPDH có nhiều kỹ năng, mỗi mô hình lại có vô vàn hình thức vật chất. Khi thiết kế PPDH cần dựa vào quan niệm hoặc lí thuyết khoa học mà mình tin cậy về các phương thức học tập và kiểu PPDH.

### **d. Dựa vào kinh nghiệm sư phạm và trình độ phát triển kĩ năng dạy học của giáo viên**

#### **Kĩ năng dạy học**

Những kĩ năng dạy học thiết yếu gồm 3 nhóm:

- Nhóm kĩ năng thiết kế giảng dạy;
- Nhóm kĩ năng tiến hành giảng dạy;
- Nhóm kĩ năng nghiên cứu học tập và nghiên cứu người học.

#### **Yêu cầu khi thiết kế phương pháp dạy học**

- Cân nhắc về chính mình và lớp học của mình để tạo ra bản thiết kế khả quan nhất trong giới hạn khả năng của mình.

- Đảm bảo bản thiết kế không chỉ GV này thực hiện được, mà các đồng nghiệp cũng thực hiện được nếu tuân thủ đúng nội dung thiết kế.

## **2.4.2. Quy trình thiết kế phương pháp dạy học**

### **a. Thiết kế bài học**

GV xác định và thiết kế mục tiêu, nội dung học tập, các hoạt động của người học, các nguồn lực và phương tiện, môi trường học tập.

### **b. Lựa chọn kiểu phương pháp dạy học và thiết kế phương án kết hợp các kiểu đã chọn**

Dựa vào thiết kế bài học và nhận thức lí luận của mình về các kiểu PPDH, GV lựa chọn các kiểu PPDH và thiết kế trình tự, cách thức kết hợp chúng với nhau trong phạm vi bài học đó và có thể trong cả chuỗi bài học kế tiếp nhau.

Ví dụ: đối với loại hoạt động phát hiện-tìm tòi của người học, có thể chọn kiểu PPDH kiến tạo-tìm tòi kết hợp với kiểu khuyến khích - tham gia. Nếu dự cảm thấy có thể chưa thành công thì GV nên dự phòng phương án khác: kiểu PPDH làm mẫu - tái tạo kết hợp với kiểu kiến tạo - tìm tòi,..

### **c. Xác định những kĩ năng cần thiết của mỗi mô hình cụ thể thuộc kiểu phương pháp dạy học đã chọn và thiết kế chúng thành hệ thống:**

Mỗi kiểu PPDH có nhiều mô hình khác nhau.

Ví dụ 1: kiểu PPDH khuyến khích - tham gia có những mô hình phổ biến sau:

- Đàm thoại
- Tìm tòi từng phần
- Làm sáng tỏ giá trị
- Thảo luận tham gia

Ví dụ 2: kiểu PPDH thông báo - thu nhận có những mô hình sau:

- Giải thích-minh họa
- Thuyết trình
- Giảng giải
- Trình bày tài liệu
- Đọc-chép
- Kể chuyện..

Ví dụ 3: kiểu PPDH làm mẫu - tái tạo có những mô hình:

- Các trò chơi dạy học
- Thị phạm trực quan
- Trình diễn trực quan
- Luyện tập hệ thống hóa

- Ôn tập theo điểm tựa..

#### **d. Xác định và thiết kế các phương tiện, công cụ, kĩ thuật phù hợp với những mô hình phương pháp dạy học đã chọn**

Đây là quá trình thiết kế hình thức vật chất của PPDH. Chỉ khi nào những bước trên được thực hiện đúng và nghiêm túc, thì đến bước này GV mới ý thức rõ được mình tổ chức các phương tiện, công cụ theo kiểu và mô hình PPDH nào. Khi đó GV mới thực sự là chủ thể tự giác của PPDH và có thể đổi mới PPDH.

### **3. Đánh giá sự phát triển của trẻ trong quá trình chăm sóc – giáo dục.**

#### **3.1. Khái niệm chung về đánh giá sự PT của trẻ**

##### **3.1.1. Đánh giá sự PT của trẻ là gì?**

Đánh giá sự phát triển của trẻ chính là đánh giá toàn diện nhân cách trẻ, bao gồm cả sự phát triển về thể chất. Chính vì vậy phương pháp đánh giá nhân cách gồm tất cả các phương pháp đo các biến về nhận thức và những biến ảnh hưởng khác như cảm xúc, tính cách, định hướng giá trị, khí chất, hứng thú... Thông qua các phép đo này cho phép xác định đặc điểm của nhân cách.

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ.

##### **3.1.2. Mục đích đánh giá**

Đánh giá là một phần không thể thiếu trong quá trình giáo dục. Đánh giá sự phát triển của trẻ trong giáo dục mầm non nhằm xác định mức độ phát triển của trẻ so với mục tiêu của từng độ tuổi để có biện pháp thích hợp giúp trẻ tiến bộ.

##### **3.1.3. Ý nghĩa của việc đánh giá sự PT của trẻ**

Đánh giá sự phát triển của trẻ qua các HĐ, qua các giai đoạn cho ta biết được những biểu hiện về tâm sinh lý của trẻ hàng ngày, sự phát triển toàn diện của trẻ qua từng giai đoạn, khả năng sẵn sàng, chiều hướng PT của trẻ ở những giai đoạn tiếp theo từ đó có thể phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau:

- Đánh giá trẻ thường xuyên giúp giáo viên có được các thông tin về sự tiến bộ của trẻ trong một thời gian dài;

- Xác định được những khó khăn, những nguyên nhân cụ thể trong sự PT của trẻ làm cơ sở để giáo viên đưa ra các quyết định giáo dục tác động phù hợp đối với trẻ;

- Giúp giáo viên biết được hiệu quả của các hoạt động, mức độ kết quả đạt được theo dự kiến, làm sáng tỏ những vấn đề nhất định đòi hỏi phải có kế hoạch bổ sung;

- Đánh giá là cơ sở để xác định những nhu cầu giáo dục cá nhân đứa trẻ, căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch tiếp theo;

- Làm cơ sở để trao đổi, đưa ra những quyết định phối hợp trong giáo dục trẻ với cha mẹ trẻ, với giáo viên nhóm/lớp hoặc cơ sở giáo dục khác nơi sẽ tiếp nhận trẻ tiếp theo;

- Làm cơ sở đề xuất đối với các cấp quản lý giáo dục trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của nhóm/ lớp/ trường/ địa phương.

## 3.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá sự phát triển của trẻ gồm các nội dung :

- Đánh giá sự phát triển thể chất
- Đánh giá sự phát triển nhận thức
- Đánh giá sự phát triển ngôn ngữ
- Đánh giá sự phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội
- Đánh giá sự phát triển thẩm mỹ

## 3.3. Phương pháp đánh giá

Các phương pháp sau đây thường được sử dụng để theo dõi và đánh giá sự phát triển của trẻ trong trường mầm non: quan sát tự nhiên; trò chuyện với trẻ; phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ; sử dụng tình huống; trao đổi với phụ huynh; kiểm tra trực tiếp. Tuy nhiên, quan sát tự nhiên là phương pháp được sử dụng chủ yếu nhất trong trường mầm non.

### 3.3.1. Quan sát tự nhiên

Là sự tri giác trực tiếp, không tác động hay can thiệp vào các hoạt động tự nhiên của trẻ. Các thông tin quan sát về biểu hiện tâm lí, các hành vi của trẻ được ghi lại một cách có hệ thống, có kế hoạch. Cụ thể:

- Quan sát và lắng nghe cá nhân trẻ nói và làm (quá trình hoạt động): ý tưởng và cách diễn đạt ý tưởng, cách trẻ khám phá, cách trẻ làm và sử dụng những gì trẻ đã biết.
- Quan sát và lắng nghe cách giao tiếp, cách ứng xử, thái độ, tình cảm của trẻ với các bạn trong nhóm bạn, nhóm chơi, trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày: có hợp tác và làm việc theo nhóm không, có lắng nghe người khác không, tham gia hay thụ động trong hoạt động nhóm, khi chơi trong nhóm bạn thường đặt mình ở vị trí nào: là trưởng nhóm, thành viên tích cực hay phục tùng, phụ thuộc; trẻ biểu đạt sự thỉnh cầu hay nguyện vọng của mình như thế nào; trẻ có biết chia sẻ cùng bạn trong khi chơi không, có thường gây ra hay biết cách giải quyết những xung đột không; trẻ có biết giải quyết các những tình huống khác xảy ra trong quá trình chơi hay không....).

### 3.3.2. Trò chuyện với trẻ

- Trò chuyện là cách tiếp cận trực tiếp với trẻ thông qua sự giao tiếp bằng lời nói. Trong trò chuyện, giáo viên có thể đưa ra câu hỏi, gợi mở kéo dài cuộc trò chuyện để có thể thu thập các thông tin theo mục đích đã định.

- Khi trò chuyện với trẻ giáo viên cần xác định mục đích, nội dung phù hợp;
- Chuẩn bị phương tiện đồ dùng, đồ chơi... cần thiết để tạo ra sự gần gũi, quen thuộc;
- Gợi ý để trẻ dùng động tác, cử chỉ biểu đạt, nếu trẻ chưa nói được bằng lời;
- Dùng lời nói ngắn gọn, đơn giản; ân cần khi trò chuyện với trẻ; động viên, khuyến khích hướng trẻ vào cuộc trò chuyện.
- Khi đưa ra câu hỏi, cần cho trẻ thời gian suy nghĩ để trả lời, có thể gợi ý;
- Trò chuyện khi trẻ thoải mái, vui vẻ, tự nguyện....

### 3.3.3. Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ

- Dựa trên các sản phẩm hoạt động của trẻ (các sản phẩm vẽ, nặn, cắt, dán, xếp hình...), để xem xét, phân tích, đánh giá ý tưởng, mức độ khéo léo, sự sáng tạo, khả năng thẩm mỹ của trẻ; sự tiến bộ của trẻ. Thông qua sản phẩm của trẻ có thể đánh giá được mức độ kiến thức, kỹ năng, trạng thái xúc cảm, thái độ của trẻ.

- Việc đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua sản phẩm mà trẻ tạo ra cần lưu ý: không chỉ căn cứ vào kết quả của sản phẩm đó mà còn căn cứ vào quá trình trẻ thực hiện để tạo ra sản phẩm (sự tập trung chú ý, ý thức thực hiện sản phẩm đến cùng, thời gian thực hiện, cách thức sử dụng dụng cụ, vật liệu để tạo nên sản phẩm, mức độ thể hiện sự khéo léo...).

- Giáo viên cần ghi lại những nhận xét của mình vào từng sản phẩm của trẻ và lưu lại thành hồ sơ riêng của từng trẻ. Do các sản phẩm của trẻ được thu thập theo thời gian nên giáo viên có thể dựa vào các sản phẩm đó để đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

### 3.3.4. Sử dụng tình huống

- Là cách thức thông qua các tình huống thực tế hoặc tình huống giả định để đánh giá kiến thức, thái độ, hành vi xã hội, kỹ năng giải quyết vấn đề ... của trẻ (Ví dụ: thái độ đồng tình/không đồng tình của trẻ đối với những hành vi tốt/ không tốt: đỡ bạn khi thấy bạn bị ngã; xả rác bừa bãi. Kỹ năng giải quyết vấn đề: có gọi người lớn khi gặp bất trắc không? biết chạy ra khỏi đám cháy? biết nổi gậy để khều quả bóng dưới gầm giường? có biết từ chối khi người lạ rủ đi không?...).

- Khi sử dụng các tình huống giả định để thu thập thông tin cần thiết về trẻ, giáo viên cần chú ý:

+ Tình huống phải phù hợp với mục đích đánh giá.

+ Tổ chức tình huống khéo léo để trẻ tích cực tham gia và bộc lộ một cách tự nhiên.

+ Những kết quả theo dõi được về trẻ trong quá trình chơi cần được ghi chép lại.

### 3.3.5. Đánh giá qua tiểu sử cá nhân:

Là phương pháp phân tích tiến trình sinh trưởng và phát triển của trẻ em để đưa ra nhận định nào đó về hiện trạng của trẻ.

### 3.3.6. Trao đổi với phụ huynh

- Nhằm mục đích khẳng định thêm những nhận định, đánh giá của giáo viên về trẻ, đồng thời có biện pháp tăng cường sự phối hợp với gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Giáo viên có thể trao đổi với phụ huynh hằng ngày, trao đổi trong các cuộc họp phụ huynh, qua những buổi thăm gia đình trẻ để thu thập thêm thông tin về trẻ (Ví dụ: Trẻ ít nói, thiếu hoà đồng có phải do chậm phát triển ngôn ngữ hay chưa thích ứng với môi trường lớp học, do mắc bệnh tự kỷ hoặc do sự bất hòa trầm trọng trong gia đình...).

Giáo viên sẽ phân tích thông tin, xác định nguyên nhân để phối hợp với gia đình tìm biện pháp tác động giúp trẻ tiến bộ.

### 3.3.7. Sử dụng bài tập (Kiểm tra trực tiếp)

- Là cách sử dụng bài tập, giao nhiệm vụ cho trẻ tự giải quyết, thực hiện để xác định xem trẻ đã biết những gì, làm được những việc gì.

- Bài tập có thể thực hiện với một nhóm trẻ, hoặc với từng trẻ.



- Cho trẻ thực hiện bài tập khi trẻ vui vẻ, sáng khoái.
- Tránh các can thiệp hoặc gây ảnh hưởng khi trẻ thực hiện bài tập
- Một bài tập có thể kết hợp đo một số chỉ số/lĩnh vực.
- Kết quả thực hiện của trẻ được ghi vào phiếu đánh giá của từng trẻ.

Lưu ý: Khi thực hiện theo dõi, đánh giá trẻ, giáo viên cần thực hiện phối hợp các phương pháp khác nhau một cách linh hoạt để có kết quả đáng tin cậy.

Việc lựa chọn các phương pháp đánh giá là tùy thuộc vào sự quyết định của giáo viên sao cho thích hợp nhất với hoàn cảnh, điều kiện thực tiễn.

### **3.4. Các hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ**

Hoạt động đánh giá sự phát triển của trẻ trong nhà trường: Chủ yếu do giáo viên tiến hành trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ; do các cán bộ quản lý giáo dục (Bộ, Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ban giám hiệu nhà trường) tiến hành với các mục đích khác nhau nhưng cùng hướng đến mục đích chung là làm thế nào để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

#### **3.4.1. Đối với trẻ nhà trẻ:**

##### **a. Đánh giá trẻ hàng ngày**

###### **+ Mục đích đánh giá**

Đánh giá những diễn biến tâm - sinh lí của trẻ hàng ngày trong các hoạt động, nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

###### **+ Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Thái độ, trạng thái cảm xúc và hành vi của trẻ.
- Kiến thức và kỹ năng của trẻ.

###### **+ Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với phụ huynh.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi trẻ trong các hoạt động, ghi lại những tiến bộ rõ rệt và những điều cần lưu ý vào sổ kế hoạch giáo dục hoặc nhật ký của lớp để điều chỉnh kế hoạch và biện pháp giáo dục.

##### **b. Đánh giá trẻ theo giai đoạn**

###### **+ Mục đích đánh giá**

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

### **+ Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

### **+ Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Đánh giá qua bài tập.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với phụ huynh.

Đánh giá trẻ nhà trẻ vào cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24 và 36 tháng tuổi) dựa vào các chỉ số phát triển của trẻ.

## **3.4.2. Đối với trẻ mẫu giáo:**

### **a. Đánh giá trẻ hằng ngày**

#### **+ Mục đích đánh giá**

Đánh giá những trạng thái tâm – sinh lí của trẻ hằng ngày trong các hoạt động ăn, ngủ, vui chơi, học tập... của trẻ nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh việc tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ, lựa chọn các điều kiện, biện pháp chăm sóc, giáo dục phù hợp.

#### **+ Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khoẻ của trẻ;
- Trạng thái cảm xúc, thái độ, hành vi của trẻ;
- Kiến thức và kỹ năng của trẻ.

#### **+ Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với phụ huynh.
- Sử dụng tình huống.
- Đánh giá qua bài tập.

Phương pháp sử dụng có hiệu quả, dễ thực hiện là phương pháp quan sát và trao đổi với phụ huynh.

### **b. Đánh giá sự phát triển của trẻ sau chủ đề giáo dục/giai đoạn**

#### **+ Mục đích**

- Xác định (nắm được) mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển cuối chủ đề và theo giai đoạn;

- Làm căn cứ xây dựng hoặc điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của chủ đề/giai đoạn tiếp theo.

#### **+ Nội dung đánh giá**

- Đánh giá kết quả đạt được của trẻ so với mục tiêu của chủ đề theo các lĩnh vực phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, hoặc theo mục tiêu yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ được xác định của chủ đề giáo dục.

- Đánh giá sự phù hợp của những nội dung, các hoạt động giáo dục của chủ đề với năng lực của trẻ, xác định nguyên nhân để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của chủ đề tiếp theo.

#### **+ Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Trao đổi với phụ huynh.

- Sử dụng tình huống.

- Đánh giá qua bài tập.

Đối với hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ sau khi thực hiện một chủ đề giáo dục có thể sử dụng phương pháp phù hợp với thông tin cần thu thập để phân tích đánh giá.

### **c. Đánh giá sự phát triển cuối độ tuổi của trẻ**

#### **+ Mục đích**

- Nắm được sự phát triển của trẻ sau một quá trình giáo dục, làm căn cứ đề xuất xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục năm, kế hoạch hoạt động chủ đề, các điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ: về cơ sở vật chất, về thiết bị, đồ chơi, về nhân lực, thời gian, về chính sách... nhằm tác động tích cực đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

#### **+ Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ ở các lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội, thẩm mỹ ở cuối mỗi độ tuổi dựa vào các mục tiêu giáo dục trẻ được lựa chọn phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương.

#### **+ Phương pháp đánh giá**

- Đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi được tiến hành vào tháng cuối cùng của năm học.

- Các phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ cuối năm tùy thuộc vào sự lựa chọn và sử dụng của giáo viên sao cho phù hợp nhất với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại. Giáo viên có thể sử dụng kết quả đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ sau chủ đề để làm cơ sở đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi.

- Kết quả đánh giá được ghi vào phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ, được lưu vào hồ sơ cá nhân và thông báo cho cha mẹ trẻ cũng như giáo viên phụ trách nơi trẻ sẽ nhập học tiếp theo để cùng phối hợp đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp. Kết quả này không dùng để xếp loại trẻ, không dùng để so sánh giữa các trẻ hoặc tuyển chọn trẻ vào lớp một.

### 3.5. Hồ sơ theo dõi đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non

#### 3.5.1. Đánh giá trẻ hàng ngày

Kết quả đánh giá hàng ngày được ghi vào nhật kí lớp hoặc sổ kế hoạch giáo dục bằng những nhận định chung, những vấn đề nổi bật, đặc biệt thu thập được qua quan sát đối với cá nhân hoặc một nhóm trẻ (có thể là ưu điểm hoặc hạn chế). Căn cứ vào những gì quan sát và ghi chép được, giáo viên có thể trao đổi với phụ huynh để cùng xem xét, xác định nguyên nhân để điều chỉnh kế hoạch và có những biện pháp giáo dục tác động kịp thời khắc phục những tồn tại, phát huy những biểu hiện tích cực của trẻ trong những ngày tiếp theo hoặc lưu ý để tiếp tục theo dõi.

#### 3.5.2. Đánh giá sự phát triển của trẻ cuối chủ đề tổng hợp theo “Phiếu đánh giá trẻ cuối chủ đề”

##### \* Phiếu đánh giá trẻ cuối chủ đề :

Các mục tiêu của năm học được đánh số thứ tự liên tiếp (MT1, MT2....MTn)

Ví dụ “Mẫu phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ 4 – 5 tuổi (chủ đề sự kì diệu của nước)

TT	Họ và tên trẻ	MT 1	MT 2	MT ...	MT ...	MT ...	MT.. n	TỔNG
1	Nguyễn Thị Hoa	+	-				+	
2	Bùi Văn An	-	+				+	
...								
35	Hồ Thị Lan	+	+				+	
	Tổng đạt	20	30				35	
	Tỉ lệ %	57,1	85,7				100%	

- Đối với những mục tiêu có tổng số trẻ đạt (+) dưới 70 % thì giáo viên tiếp tục đưa mục tiêu chưa đạt vào mục tiêu giáo dục của chủ đề/tháng tiếp theo.

- Đối với mục tiêu có tổng số trẻ đạt (+) trên 70% thì giáo viên điềm ra số trẻ chưa đạt để giúp trẻ rèn luyện mọi lúc, mọi nơi trong quá trình giáo dục và phối hợp với phụ huynh để giúp trẻ đạt được.

#### 3.5.3. Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi

Căn cứ vào mục tiêu giáo dục trẻ theo kế hoạch năm học, ngay từ đầu năm học, các giáo viên cùng cán bộ quản lí của nhà trường, cán bộ quản lí ngành học có liên quan lựa chọn từ 30 – 40 mục tiêu để xây dựng thành phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo. Các mục tiêu được lựa chọn phải đảm bảo đầy đủ các lĩnh vực phát triển, đáp ứng những định hướng phát triển trẻ của từng địa phương.

(Tham khảo Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ qua các tài liệu về đánh giá trong giáo dục mầm non)

### **3.6. Các chỉ số đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo và bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi** (nội dung tự tìm hiểu)

#### **4. Chương trình giáo dục mầm non**

Nghiên cứu chương trình giáo dục mầm non hiện hành qua hai văn bản:

- Chương trình mầm non ban hành kèm theo Thông tư số: 17 /2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số: 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số [17/2009/TT-BGDĐT](#)

#### **5. Xử lý tình huống sư phạm**

- Năm vững kiến thức tâm lý học lứa tuổi trẻ mầm non, giáo dục học mầm non và giao tiếp sư phạm

- Đề xử lý tình huống sư phạm tốt đặc biệt cần nắm vững:

##### **5.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm.**

###### **a. Tính mô phạm trong giao tiếp.**

Sự gương mẫu của giáo viên về mặt giao tiếp có ý nghĩa rất quan trọng. Sự lịch thiệp, tế nhị của giáo viên là một nhân tố quyết định cho sự thành công của QTSP.

###### **b. Tôn trọng đối tượng giao tiếp.**

- Phải coi đối tượng giao tiếp là một cá nhân, một con người, một chủ thể với đầy đủ các quyền: HT, LĐ, Vui chơi... với những đặc điểm TL riêng biệt. Các em có quyền bình đẳng với mọi người trong quan hệ XH.

- Tạo điều kiện để các em bộc lộ hết những nét tính cách, thái độ, nhu cầu, nguyện vọng...

- Không áp đặt bắt buộc các em tuân theo ý của giáo viên.

- Phải gây được ấn tượng tốt với các em ngay từ lần đầu gặp mặt.

- Giáo viên phải biết lắng nghe ý kiến của học sinh dù ý kiến đó là đúng hay sai cũng không được cắt ngang, hay tỏ thái độ không hài lòng, để học sinh sợ hãi không dám đối thoại, không bày tỏ hết nguyện vọng của mình.

- Không được xúc phạm đến danh dự, phẩm giá,... của học sinh

- Biết khích lệ những ưu điểm của học sinh.

###### **c. Có thiện chí trong giao tiếp**

- Phải luôn nghĩ tốt, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người mình giao tiếp.

- Luôn tin tưởng ở đối tượng giao tiếp.

- Luôn động viên, khích lệ tinh thần các em

- Không vì quyền lợi của bản thân mà gây thiệt hại, xúc phạm đến danh dự, nhân cách học sinh; Không nên ghen tỵ với những thành tích của người khác; Không nên cười chê, chế giễu những thất bại của đối tượng giao tiếp.

#### **d. Đồng cảm trong giao tiếp**

- Chủ thể giao tiếp phải biết đặt vị trí của mình vào vị trí đối tượng giao tiếp để ứng xử phù hợp với nhu cầu, mong muốn của đối tượng giao tiếp.
- Biết xác định đúng thời gian và không gian giao tiếp;
- Khi giao tiếp không gây sự căng thẳng trong tâm trí đối tượng.
- Sau mỗi lần giao tiếp phải tạo được niềm vui mới, khát vọng muốn được tiếp xúc với giáo viên.

### **5.2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm**

#### **a. Nhóm kỹ năng định hướng giao tiếp.**

Nhóm kỹ năng này được biểu hiện ở khả năng dựa vào sự biểu lộ bên ngoài như sắc thái biểu cảm ngữ điệu, thanh điệu của lời nói, nội dung của cử chỉ, điệu bộ, động tác... mà phán đoán chính xác những trạng thái tâm lý bên trong của chủ thể và đối tượng giao tiếp. nhóm kỹ năng này bao gồm:

##### **\* Kỹ năng phán đoán dựa trên nét mặt, hành vi, cử chỉ, lời nói**

Nhờ tri giác nhạy bén tinh tế các trạng thái tâm lý qua nét mặt, hành vi, cử chỉ,, ngữ điệu, âm điệu lời nói mà chủ thể giao tiếp phát hiện chính xác và đầy đủ thái độ của đối tượng.

- Xúc động giọng nói hân hân, lời nói ngắt quãng.
- Khi vui vẻ, tiếng nói trong trẻo, nhịp nói nhanh.
- Khi buồn, giọng nói trầm, nhịp chậm.
- Khi ra lệnh, giọng cương quyết, sắc gọn.
- Khi sợ hãi, mặt tái nhợt, hành động gò bó.
- Khi xấu hổ mặt đỏ, hành động bối rối.
- Khi tức giận mặt đỏ, tay nắm chặt.

##### **\* Kỹ năng chuyển từ sự tri giác bên ngoài vào nhận biết bản chất bên trong của nhân cách.**

Sự biểu lộ trạng thái tâm lý của con người thông qua ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ, điệu bộ rất phức tạp. Cùng một trạng thái tâm lý đôi khi biểu lộ ra bên ngoài bằng những hành vi, cử chỉ, điệu bộ rất khác nhau. Ngược lại cùng một hành vi, cử chỉ, điệu bộ nhưng lại là sự biểu hiện của nhiều tâm trạng khác nhau.

##### **\* Kỹ năng định hướng trước khi tiếp xúc và định hướng trong khi tiếp xúc với học sinh.**

+ Định hướng trước khi giao tiếp (phác thảo chân dung đối tượng giao tiếp) là thói quen cần thiết trước khi tiếp xúc với bất kỳ đối tượng giao tiếp nào.

- Khi tiếp xúc với bất kỳ em học sinh nào, giáo viên cũng cần có những thông tin cần thiết về học sinh đó: Tên, học lớp nào, tình hình học tập, đạo đức, em có nhu cầu hay vấn đề gì, bố mẹ em làm gì, sinh sống bằng cách nào, hoàn cảnh gia đình ra sao... Đối với tập thể học sinh hay phụ huynh học sinh cũng cần có các thông tin như vậy.

- Việc phác thảo chân dung tâm lý càng đúng thì việc giao tiếp càng đạt kết quả. Nó giúp cho giáo viên có những phương án ứng xử phù hợp.

+ Định hướng trong quá trình giao tiếp biểu hiện ra bên ngoài bằng phản ứng, hành vi, cử chỉ, cách nói năng sao cho phù hợp với những thay đổi liên tục về thái độ, hành vi, cử chỉ, nội dung ngôn ngữ mà học sinh phản ứng trong quá trình giao tiếp.

Kỹ năng định hướng giao tiếp rất quan trọng, nó quyết định hành vi và thái độ của giáo viên khi tiếp xúc với học sinh. Khi tiếp xúc với học sinh, giáo viên phải biết được mình sẽ nói gì với học sinh, và phải đoán trước được học sinh sẽ trả lời mình như thế nào thì việc giao tiếp mới đạt kết quả tốt được.

### **b. Nhóm kỹ năng định vị**

Kỹ năng định vị thể hiện:

- Khả năng xây dựng mô hình nhân cách học sinh gần với hiện thực, tương đối ổn định và giáo viên có hành vi ứng xử phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng, đặc điểm tâm lý của học sinh.
- Khả năng biết xác định vị trí trong giao tiếp, biết đặt vị trí của mình vào vị trí của đối tượng để có thể thông cảm, chia sẻ tâm tư, tình cảm; biết tạo ra điều kiện để giải tỏa rào cản tâm lý, giúp đối tượng chủ động và thoải mái giao tiếp với mình (đồng cảm).
- Khả năng xác định đúng không gian và thời gian giao tiếp. Biết chọn địa điểm, thời gian bắt đầu, điểm dừng, tiếp tục, kết thúc quá trình giao tiếp có ý nghĩa quan trọng tới kết quả giao tiếp.

### **c. Nhóm kỹ năng điều chỉnh, điều khiển quá trình giao tiếp.**

Nhóm kỹ năng này thể hiện khả năng làm chủ nhận thức, thái độ, hành vi, phản ứng của mình; biết đọc những vận động trên nét mặt, điệu bộ, cử chỉ, dáng đi, cử động toàn thân, tư thế của học sinh; biết “nhìn thấy” và “nghe thấy” các loại ngôn ngữ biểu cảm, ngôn ngữ nói của học sinh để xác định đúng nội dung và nhu cầu của các em.

Nhóm kỹ năng này bao gồm các kỹ năng sau:

- + Kỹ năng quan sát bằng mắt: Khả năng phát hiện bằng mắt những thay đổi về cử chỉ, điệu bộ, màu sắc trên nét mặt, đặc biệt là vận động của đôi mắt và các cơ mặt cũng như tư thế toàn thân đối tượng giao tiếp để nhận thấy sự thay đổi của cá nhân đối tượng giao tiếp.
- + Kỹ năng nghe: Biết tập trung chú ý, biết hướng hoạt động của giác quan và ý thức của chủ thể giao tiếp vào việc lắng nghe đối tượng giao tiếp nói gì, để có đủ thông tin.
- + Kỹ năng xử lý thông tin.
- + Kỹ năng điều chỉnh, điều khiển:
  - Biết điều chỉnh, điều khiển bản thân: là có cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nụ cười phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, nội dung, nhiệm vụ, mục đích giao tiếp.
  - Điều khiển đối tượng giao tiếp là hiểu được những đặc điểm tâm lý, hoàn cảnh sống, nhu cầu, ước muốn của đối tượng giao tiếp tại thời điểm giao tiếp, đồng thời biết sử dụng các phương tiện giao tiếp hợp lý để kích lệ, động viên, răn đe... họ theo mục đích giáo dục.

### **d. Nhóm kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp.**

\* Phương tiện ngôn ngữ:

- + Ngôn ngữ độc thoại: giáo viên phải có kỹ năng làm chủ ngôn ngữ, thể hiện qua:
  - Cách diễn đạt.
  - Ngữ điệu.

- Giọng nói.
- Cách dùng từ.
- Sự nắm vững nội dung bài giảng một cách sâu sắc.
- Biết cách thu hút sự chú ý, tình cảm, hoạt động trí tuệ của học sinh.
- + Ngôn ngữ đối thoại:
  - Nội dung của lời nói tác động vào ý thức.
  - Ngữ điệu của lời nói tác động mạnh vào tình cảm của con người.

Vì vậy cùng ý và nghĩa như nhau, người thầy có kinh nghiệm bao giờ cũng biết lựa chọn cách diễn đạt cho phù hợp với từng học sinh, từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

+ Ngôn ngữ viết:

\* Kỹ năng sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, nụ cười, ánh mắt...

### **5.3. Quy trình xử lý tình huống sư phạm**

#### **a. Xác định vấn đề**

Nhà sư phạm phải xác định được mâu thuẫn chứa đựng trong tình huống sư phạm, ý thức được phải giải quyết vấn đề gì trong tình huống đó và hướng giải quyết như thế nào.

#### **b. Thu thập thông tin**

Xem xét các thông tin và dữ liệu có sẵn, thu thập thêm thông tin mới; sắp xếp, phân tích xử lý dữ liệu thu được.

#### **c. Nêu các giả thiết**

Đây là bước đề ra những giả thiết trên cơ sở vấn đề cần giải quyết đã được ý thức rõ ràng và biểu đạt bằng ngôn ngữ. Ở bước này, óc tưởng tượng sư phạm và khả năng linh hoạt của trí tuệ được phát huy, nhà sư phạm có thể hình dung ra tất cả các cách giải quyết có thể có, kể cả các cách giải quyết được coi là thiếu tính sư phạm. Trong khi hình dung các cách giải quyết đó cách giải quyết hợp lý nhất cùng với các lý do bảo vệ cho cách xử lý này đã lộ ra.

#### **d. Lựa chọn giải pháp**

Tìm kiếm các mối quan hệ có liên quan trong tình huống; tìm điểm giống và khác nhau giữa các giải pháp và lựa chọn giải pháp tốt nhất.

#### **e. Đánh giá kết quả**

Dựa trên lập luận đã trình bày ở trên để đề ra những bài học kinh nghiệm bằng các quy tắc, các nguyên tắc giáo dục liên tiếp, nêu lên những nguyên tắc giải quyết khái quát nhất, áp dụng giải quyết các tình huống sư phạm tương tự.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO THÊM**

+ Chương trình Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thông tư số: 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số [17/2009/TT-BGDĐT](#)



- + Các tài liệu về lý luận dạy học, lý luận giáo dục.
- + Các tài liệu tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học cơ sở
- + Các tài liệu về dạy học tích hợp, phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục phổ thông.
- + Các tài liệu về giao tiếp sư phạm.
- + Các chỉ số đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo và bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi (nội dung tự tìm hiểu)
- + Các tài liệu về đánh giá trong giáo dục mầm non.